TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 45/2020/HS-ST
Ngày 17-9-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Kho - Cán bộ hưu trí xã Đ Đồng, huyện K, thành phố Hải Phòng.

Ông Nguyễn Sĩ Mạnh - Phó Bí thư Đoàn TNCS HCM huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Thế P, sinh ngày 23 tháng 02 năm 1986 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thế H3 (đã chết) và bà Mạc Thị P3, sinh năm 1960; bị cáo có vợ là Vũ Thị H2, sinh năm 1990 và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự, tại Quyết định số 01 ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Công an xã Đ2, huyện K, thành phố Hải Phòng xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Thế P về hành vi "Trộm cắp tài sản" (chưa xóa); nhân thân: Tại Quyết định số 17 ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch UBND xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng áp dụng biện pháp giáo dục tại xã trong thời hạn 03 tháng đối với Phạm Thế P về hành vi "Sử

dụng trái phép chất ma túy" (chưa xóa); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại Trại giam Công an thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Trần Minh N - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; địa chỉ Trung tâm TGPL: Số 112, đường L, phường Q, quận K1, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Trần Quang K và anh Bùi Mạnh T; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền mua túy sử dụng nên khoảng 07 giờ 00 Pt ngày 28 tháng 7 năm 2020, Phạm Thế P đi từ nhà bằng xe đạp, lang thang tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Khoảng 07 giờ 30 Pt cùng ngày, P đi đến trang trại của ông Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1969, ở thôn T, xã N, huyện K quan sát thấy không có người trông coi, P dựng xe đạp ở trục đường phía sau trang trại không có tường bao, rào chắn rồi đi bộ thẳng vào bên trong đến khu vực nuôi ngan có quây lưới ni lông. P bước qua lưới đi vào bắt 03 con ngan lông màu trắng, có tổng trọng lượng là 9,5 kg mang ra khỏi trang trại thì bị anh Trần Quang K, sinh năm 1974, trú tại thôn Đ1, xã N và anh Bùi Mạnh T, sinh năm 1982, trú tại thôn Đ1, xã N phát hiện. Anh K gọi điện thoại báo cho ông Đ biết sự việc. Khi P xách 03 con đi từ trang trại nhà ông Đ ra khu vực N trang gần đó để tìm dây buộc chân ngan thì bị ông Đ về đến nơi và cùng anh K, anh T giữ P đưa đến Công an xã N, huyện K làm việc. Công an xã N đã lập biên bản vụ việc và tạm giữ 03 con ngan, 01 xe đạp mini màu xanh.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên và còn khai nhận: 01 xe đạp mi ni màu xanh, đã qua sử dụng bị thu giữ là của vợ bị cáo.

Tại Cơ quan điều tra, bị hại và những người làm chứng đều khai: Đúng như lời khai của bị cáo về thời gian, địa điểm, số lượng, đặc điểm tài sản bị mất trộm, vật chứng thu giữ và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Chị H2 là vợ bị cáo khai việc bị cáo dùng xe mi ni màu xanh của chị để đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Đ, chị không biết. Khi Công an đến làm việc, chị mới biết, chị xin nhận lại xe để làm phương tiện đi lại.

Kết luận định giá tài sản ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản, kết luận: 03 con ngan loại ngan lai, màu lông trắng, trọng lượng 9,5 kg, có tổng giá trị 475.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Vật chứng thu giữ: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ, trả lại vật chứng cho các chủ sở hữu hợp pháp gồm: Ngày 05 tháng 8 năm 2020, trả lại cho bị hại là ông Đ 03 con ngan; ngày 14 tháng 8 năm 2020 trả lại cho chị Vũ Thị H2, sinh năm 1990, trú tại thôn Đ, xã N là vợ của bị cáo P 01 xe đạp mini màu xanh.

Tại bản cáo trạng số 44/CT-VKS-KT ngày 04 tháng 9 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố Phạm Thế P về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo P khai nhận tội như nội dung vụ án đã nêu và khai: Tài sản bị cáo trộm cắp được của ông Đ là 03 con ngan màu lông trắng, Cơ quan điều tra đã thu hồi, trả lại đầy đủ cho ông Đ. Ông Đ không yêu cầu P phải bồi thường gì khác. 01 xe đạp mi ni màu xanh là tài sản riêng của vợ bị cáo, bị cáo tự lấy đi để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại trang trại của ông Đ, vợ bị cáo không biết. Quần, áo, mũ bị thu giữ là đồ dùng cá nhân của bị cáo. Gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo tại địa phương, bị cáo nộp đơn xin miễn án phí và miễn hình phạt bổ sung.

Ông N trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo: Qua nghiên cứu hồ sơ và các chứng cứ của vụ án, qua phần thẩm vấn công khai tại phiên tòa và sau khi nghe vị Đ diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm luận tội bị cáo và đề xuất mức hình phạt. Tôi xin nêu một số luận cứ để Hội đồng xét xử xem xét như sau:

Về tội danh và tính chất mức độ của hành vi phạm tội: Qua lời khai của bị cáo cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy hành vi của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Do vậy, tôi không có ý kiến tranh luận về tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố với bị cáo. Tuy nhiên, theo kết luận định giá tài sản ngày 03 tháng 8 năm 2020 thì tổng trị giá trị tài sản 03 con ngan có giá trị là 475.000 đồng. Theo đó, giá trị tài sản bị chiếm đoạt thấp hơn 2.000.000 đồng là mức khởi điểm của khung hình phạt theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Mặt khác, trong quá trình thực hiện hành vi lấy trộm tài sản, bị cáo không gây thiệt hại gì cho ai, đồng thời, tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, hành vi phạm tội rất đơn giản, bị cáo không có sự chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội; về nguyên nhân, hoàn cảnh dẫn đến hành vi phạm tội: Bản thân bị cáo nghiện ma túy, không có việc làm; bị cáo có trình độ văn hóa thấp, mới học hết lớp 1 nhận thức pháp luật còn rất hạn chế

nên bị cáo mới có hành vi vi phạm pháp luật; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Theo Kết luận định giá tài sản thì giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 475.000 đồng. Ngày 28 tháng 7 năm 2020, người bị hại là anh Đ đã nhận lại được đầy đủ tài sản của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ: *"Gây thiệt hại không lớn"* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo P lần đầu tiên phạm tội và bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là loại tội ít nghiêm trọng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ *"Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"* quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, đồng thời bị cáo cũng bày tỏ sự ăn năn hối hận về hành vi của mình, tại phiên tòa, bị cáo hứa sẽ sửa chữa sai lầm, phấn đấu trở thành công dân sống có ích cho xã hội. Do đó, bị cáo có đủ hai tình tiết giảm nhẹ *"thành khẩn khai báo"* và *"ăn năn hối cải"* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo thuộc diện Hộ cận nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề xuất hình phạt: Bị cáo được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm h, i, s khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo không có tình tiết tăng nặng, lần đầu tiên phạm tội, mức độ phạm tội ít nghiêm trọng, thiệt hại đã được khắc phục toàn bộ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơp mức hình phạt mà vị Đ diện Viện kiểm sát đề nghị tại phần luận tội tại phiên tòa.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc diện Hộ cận nghèo, không có công việc ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 35, khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo P.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo trộm cắp đã được trả lại đầy đủ cho bị hại, bị hại cũng không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo thuộc diện Hộ cận nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/QH14 miễn án phí hình sự cho bị cáo P.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo; Đ diện

Viện Kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội, quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạm Thế P mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 26 tháng 8 năm 2020.

- Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo tại địa phương nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại đầy đủ cho bị hại là có cơ sở nên không đặt ra xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Ông Đ đã nhận lại đủ 03 con ngan lông màu trắng, trọng lượng 9,5 kg và không có yêu cầu, đề nghị gì khác nên không xem xét, giải quyết.

Đối với 01 xe đạp mi ni màu xanh P sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Qua điều tra, xác minh, xác định chủ sở hữu là chị Vũ Thị H2 vợ của bị cáo, chị Hương không biết việc P tự ý lấy xe đi trộm cắp tài sản nên đã trả lại cho chị Hương là phù hợp.

Sau khi Đ diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, N vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản; phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể

hiện: Khoảng 07 giờ 30 Pt ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trang trại của ông Nguyễn Khắc Đ ở Thôn T, xã N, huyện K, Phạm Thế P thực hiện hành vi trộm cắp 03 con ngan loại ngan lai, màu lông trắng, có tổng trị giá 475.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). P đã có 01 tiền sự tại Quyết định số 01 ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Công an xã Đ2, huyện K, thành phố Hải Phòng xử phạt vi phạm hành chính đối với P về hành vi "Trộm cắp tài sản" (chưa xóa). Như vậy, hành vi của bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm đối với bị cáo, đồng thời để phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã trong thời hạn 03 tháng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" tại Quyết định số 17 ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch UBND xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng (chưa xóa). Xác định bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, có nhân thân xấu. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt nghiêm mới đủ tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phần tranh luận tại phiên tòa, người bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ là "Người phạm tội thành khẩn khai báo" và "Ăn năn hối cải" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Kiểm sát viên đối đáp: Bộ luật Hình sự năm 2015 đã tách tình tiết nêu trên để quy định thành 02 tình tiết giảm nhẹ là "người phạm tội thành khẩn khai báo hoặc ăn năn hối cải". Tuy nhiên thấy đây là nội dung chưa hợp lý, vì "ăn năn hối cải" không thể là 01 tình tiết giảm nhẹ độc lập, việc ăn năn hối cải là thái độ, trạng thái tâm lý, không thể hiện hành vi, hoạt động cụ thể của người phạm tội, do đó cần phải gắn liền với "thành khẩn khai báo" mới đủ yếu tố cấu thành 01 tình tiết giảm nhẹ. Do đó Bộ luật hình sự năm 2017 đã sửa đổi tình tiết giảm nhẹ này, bỏ chữ "hoặc", thay vào đó là dấu "phẩy" với hướng coi đây là 01 tình tiết giảm nhẹ; người bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ "Gây thiệt hại không lớn" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự vì tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 475.000 đồng, dưới 2.000.000 đồng. Kiểm sát viên đối đáp: Tại khoản 3 Điều 51 Bộ luật Hình sự quy định: "Các tình tiết giảm nhẹ đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt". Bị cáo P đã có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản chưa được xóa,

ngày 28 tháng 7 năm 2020 bị cáo trộm cắp 03 con ngan trị giá 475.000 đồng. Do giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt dưới 02 triệu đồng đã được xét cùng với 01 tiền sự chưa được xóa để định tội đối với bị cáo nên không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Kiểm sát viên đối đáp như vậy là đúng với các quy định của pháp luật. Do đó, cả 02 đề nghị nêu trên của người bào chữa, Hội đồng xét xử đều không chấp nhận.

Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, bị cáo chỉ được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt, Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại đầy đủ cho bị hại. Nay bị hại không có yêu cầu, đề nghị gì khác. Nên không đặt ra trách nhiệm đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản riêng, gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo tại địa phương nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc đối tượng là hộ cận nghèo tại địa phương. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Phạm Thế P 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 26 tháng 8 năm 2020.

Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại là ông Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Hoàng

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Công an huyện K + PV 06;
- THA phạt tù + PC 10;
- Chi cục THADS huyện + Sở TP;
- Bị cáo, bị hại;
- UBND xã N, huyện K, HP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.